

HOẠT ĐỘNG TRỒNG LÚA Ở ĐỒNG THÁP MƯỜI THỜI THUỘC PHÁP

DƯƠNG VĂN TRIÊM*

Hoạt động trồng lúa đã có từ rất sớm ở Đồng Tháp Mười, song song với quá trình khai hoang mở cõi. Theo *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, thời gian canh tác lúa ở Đồng Tháp Mười gồm 2 vụ: ruộng sớm và ruộng muộn, đối với những nơi ngập trũng gọi là ruộng bầu chỉ làm được 1 vụ/năm. Ở trấn Định Tường, chỉ duy nhất huyện Kiến Đăng có ruộng bầu ngập nước.

Dựa trên kỹ thuật canh tác, ruộng được chia thành 2 loại: ruộng cày trâu và ruộng không cày trâu. Ruộng không cày trâu là ruộng bầu thường chỉ phát cỏ rồi cấy.

Đến đầu thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn chủ trương đưa dân miền Bắc, miền Trung vào khai hoang ở miền Nam kèm theo cho vay giống, cung cấp trâu cày làm ruộng.

Để ổn định diện tích trồng lúa và đảm bảo an ninh lương thực, ngoài chính sách khuyến khích, khen thưởng nhà nước còn phạt nặng địa phương nào để ruộng bỏ hoang, tùy theo cấp bậc mà có mức xử phạt khác nhau; nhẹ là phạt tượng, phạt tiền và nặng là truy cứu tội.

Sang thời thuộc Pháp, chính quyền thuộc địa khuyến khích dân nghèo không có tiền mua ruộng hoặc không có ruộng đất, ra sức khai hoang đất công sản còn bỏ

hoang, người trưng khẩn được hưởng trọn lợi tức trong 4 năm.

Chính quyền còn ban hành nghị định về thuê mướn nông phu. Có giấy giao kèo thỏa thuận tiền công, giờ làm, cơm ăn, chỗ ở... và nội dung đã thống nhất trong giao kèo hai bên phải cùng thực hiện. Nhà nước có đặt chức thanh tra, đi tra xét những nơi có thuê mướn nông phu...

Với phương thức canh tác và chính sách mới mới, hoạt động trồng lúa ở Đồng Tháp Mười dưới thời Pháp thuộc có những biến đổi ra sao so với trước? Trong bài viết này, chúng tôi sẽ nghiên cứu một số nội dung liên quan: Công tác thủy lợi, diện tích thực canh cây lúa, các loại ruộng lúa, vấn đề cây "lúa nổi" và diện tích ruộng lúa so với diện tích các loại cây trồng khác, qua đây góp phần làm sáng tỏ vấn đề lịch sử này.

1. Công tác thủy lợi

Trong "Định Tường toàn đồ" (定祥全圖), nơi gọi "Lâm tẩu" (林藪) là trung tâm Đồng Tháp Mười, vùng ngập, trũng thấp được bao quanh bởi giồng đất cao ở vùng ven (1).

Để khai thác được vùng trung tâm này, việc người Pháp cần làm là phải xây dựng được công trình thủy lợi hiệu quả.

"Để khai thác tốt vùng Đồng Tháp Mười cần phải có công trình thoát nước, chống ngập úng. Chỉ có làm như vậy, mới tránh

*ThS. Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Tháp

được những điều bất lợi vào mùa nước lên và điều tốt nhất là có thể loại bỏ được vấn đề ngập úng" (2).

Công việc cụ thể:

(1) Đào những con kênh cắt ngang vùng, để tháo nước chảy theo hướng Nam ra sông Tiên;

(2) Xây dựng những con đê dọc theo mé kinh;

(3) Nạo vét tất cả những kênh hiện tại và nạo vét sâu thêm một số kênh trọng điểm. Công việc này phải làm thường xuyên để tránh sự bồi đắp (3).

Công tác thủy lợi dưới thời Pháp thuộc, có thể chia thành hai giai đoạn:

- Giai đoạn 1, từ năm 1867 đến năm 1897;

- Giai đoạn 2, từ năm 1897 đến năm 1945.

Mốc thời gian năm 1897 được đánh dấu bằng sự kiện khánh thành kênh đào do Trần Bá Lộc chỉ huy và được toàn quyền Đông Dương Paul Doumer chấp thuận đặt tên "Kinh Tổng đốc Lộc".

Sau sự kiện này, người Pháp mới chú ý đến việc đào kênh làm thủy lợi, phục vụ phát triển nông nghiệp. Còn trước đó, người Pháp cho tiến hành đào kênh nhưng chủ yếu phục vụ cho việc hành quân bình định.

Từ sau năm 1897, Trần Bá Lộc tiếp tục cho đào những con kênh mang "tên số" (4), (5):

- Bốn kênh mang số 1, 2, 3, 4 nằm trong làng Mỹ Lợi, tổng Phong Phú đi chéo góc từ kênh Vành đai tới biên giới tỉnh Mỹ Tho - Sa Đéc. Kênh số 1 dài 6 km, kênh số 2 dài 8 km, kênh số 3 dài 9,8 km, kênh số 4 dài 11,5 km.

- Kênh số 5 dài 18,1 km đi từ ranh giới tỉnh Tân An, từ Bắc xuống Nam, cắt ngang kênh Vành đai làm ranh giới cho hai tổng Phong Phú và Phong Hòa, rồi thông vào rạch Cái Thia.

- Kênh số 6 dài 21,5 km cũng đi từ ranh giới tỉnh Tân An, từ Bắc xuống Nam, cắt ngang kênh Vành đai và đi giữa tổng Phong Hòa, rồi ăn vào rạch Cái Thia nơi làng Mỹ Đức Đông.

- Kênh số 7 dài 10,5 km, cũng đi từ ranh giới tỉnh Tân An, từ Bắc xuống Nam, cắt ngang kênh Vành đai, tới làng Hậu Mỹ thì thông rạch Xếp ông Trinh.

- Kênh số 8 dài 11,5 km, đi chéo từ kênh số 7 nơi Bắc làng Hậu Mỹ xuống phía Nam làng Hậu Mỹ thì gặp cuối kênh số 10 rồi ăn thông vào rạch Thủ Ngự.

- Kênh số 9 dài 10,5km, rộng 6m, sâu 2m, đi từ ranh giới tỉnh Tân An nơi thông với rạch Đá Biển, rạch này chảy thông tới sông Vàm Cỏ Tây, rồi từ Bắc xuống Nam làm ranh giới hai tổng Thuận Hòa và Lợi Thuận, chảy qua kênh Vành đai rồi thông với kênh số 8.

- Kênh số 10 dài 11,4km, đi từ kênh số 9 nơi giáp ranh tỉnh Tân An, rồi cắt ngang kênh Vành đai, sau đó thông với rạch Cái Gáo nơi làng Giai Mỹ.

Có lẽ do là dân bản xứ nên Trần Bá Lộc hiểu rõ cách thức trồng lúa và yêu cầu về thủy lợi nơi đây nên đã cho đào Hệ thống kênh "tên số" như bàn cờ. Hệ thống kênh này có tác dụng tốt trong việc rửa phèn, tháo chua cho đất hơn là những hệ thống kênh thẳng song song. Điều này càng khẳng định, khi thời gian sau đó Mỹ Tho trở thành nơi sản xuất lúa lớn nhất Đồng Tháp Mười.

Sau khi Trần Bá Lộc chết (1899) những người kế nhiệm tiếp tục việc đào kênh.

Địa chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902 viết: "tất cả những kênh mương trên đều do chủ quận Cái Bè Trần Bá Lộc đã khéo léo chỉ huy đào mở. Theo kế hoạch của Lộc tính trước, thì còn phải đào trên 100km nữa. Đến năm 1900, viên phó tỉnh Mỹ Tho (cai

trị Cái Bè sau khi Lộc chết) đào mở thêm được 35km đường kênh theo kế hoạch trên. Trong đó, có ba kênh chảy song song ở phía bắc làng Mỹ Lợi, từ ranh giới Sa Đéc đến kênh số 5" (6).

Tỉnh Sa Đéc có kênh số 12 (cũng gọi Burguet) dài gần 10km, đi từ sông Tiên nơi gần ngã ba rạch Trâu Trắng, qua rạch Cần Lố, qua phía Tây Nam Đồng Tháp Mười, rồi thông với kênh số 4 của tỉnh Mỹ Tho. Kênh này nhằm khai hoang một phần tổng Phong Thạnh.

Hai tỉnh Châu Đốc và Long Xuyên, cho tới đầu thế kỷ XX, vẫn chưa đào mở được con kinh nào đáng kể để khai thác sâu vào Đồng Tháp Mười.

Trong 5 năm đầu thế kỷ XX, Chánh tham biện Helgouach và Lagrange cho đào những kênh 25, 26, 27, 28 ở phía Tây và phía Nam kênh Tổng đốc Lộc.

Năm 1909, tận dụng sức mạnh cơ giới là xăng, người Pháp mạnh dạn thiết kế dự án đào 3 tuyến kênh xuyên qua Đồng Tháp Mười (xem hình 1):

- Từ điểm sông Tiên ở Tân Châu đến Vàm Cỏ Tây;

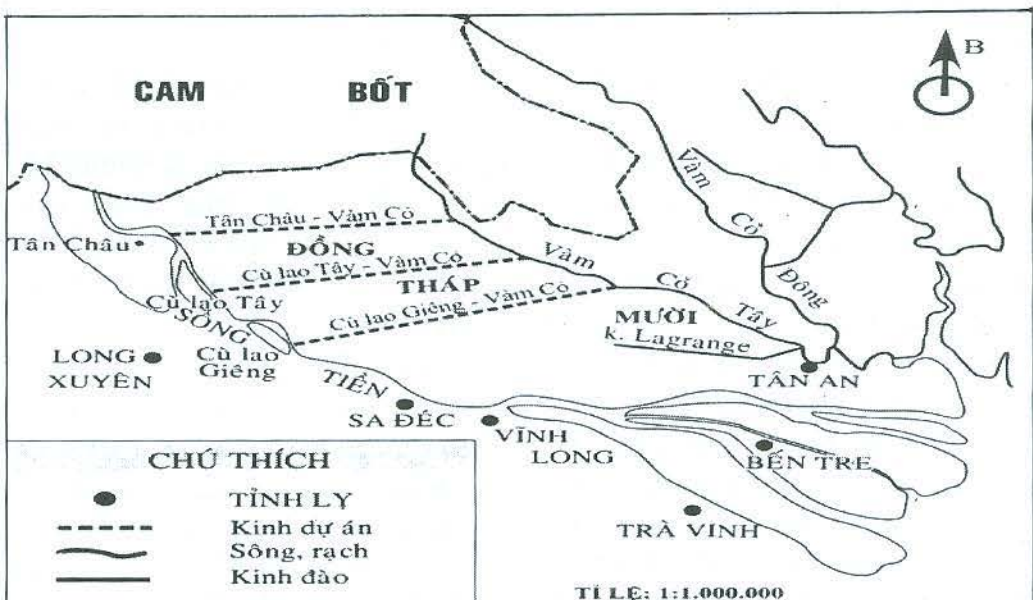
- Từ điểm sông Tiên ở Cù lao Tây đến Vàm Cỏ Tây;

- Từ điểm sông Tiên ở Cù lao Giêng đến Vàm Cỏ Tây.

Ba tuyến kênh dự án này, mở ra một bước mới trong công cuộc "tiến công" Đồng Tháp Mười thời Pháp thuộc. Tuy nhiên, sau đó dự án này đã không được triển khai nhưng những tuyến kênh được đào sau này về cơ bản cũng theo định hướng đó.

Việc đào kênh từ năm 1897 đến suốt 30 năm sau mới ngừng hẳn. Chỉ còn một số tư nhân đào những kênh nhỏ, rộng một vài thước để chở lúa hoặc tháo nước phèn trong ruộng ra sông. Ngày 18 tháng 2 năm 1944, Lê Văn Nam ở làng An Bình (Châu Đốc), đào kênh dài khoảng 300m, rộng trên 3m, sâu 1,5m, thoát nước từ ruộng ra sông Tiên.

Tuy việc đào kênh từ sau năm 1897 về cơ bản diễn ra liên tục nhưng chủ yếu ở phía Nam kênh Tổng đốc Lộc. Diễn ra trên địa bàn tỉnh Mỹ Tho, tập trung ở tổng



Hình 1: Những tuyến kênh dự án ở Đồng Tháp Mười (bản vẽ của tác giả)

Phong Phú và Phong Hòa, chiếm khoảng 1/8 diện tích tự nhiên của Đồng Tháp Mười.

2. Diện tích thực canh

Diện tích thực canh cây lúa phản ánh thực tế tình trạng khai hoang cũng như hiệu quả của công tác thủy lợi.

Lấy diện tích tự nhiên trừ diện tích thực canh cây lúa ra diện tích chưa trồng lúa:

- Mỹ Tho còn 84.600ha đất không trồng lúa;
- Sa Đéc, còn 48.050 ha;
- Tân An, còn 265.000 ha;
- Long Xuyên, còn 131.800 ha;

tháng 1 năm 1930, thể hiện các khu vực thực canh tác lúa ở Đồng Tháp Mười:

- *Thứ nhất*, khu vực “Hệ thống kênh số của Trần Bá Lộc” ở Mỹ Tho, các tổng: Phong Hòa, Lợi Thuận, Lợi Mỹ, Lợi Trường, Thuận Bình, Thuận Trị, Thạnh Phong.

- *Thứ hai*, khu vực nằm cạnh sông Tiền ở Sa Đéc, Long Xuyên, các tổng: Phong Thạnh, Phong Năm, Phong Thạnh Thượng.

- *Thứ ba*, khu vực sông Vàm Cỏ ở Tân An, các tổng: Cửu Cư Thượng, Cửu Cư Hạ.

Bảng 1: Diện tích tự nhiên và diện tích ruộng lúa của các tỉnh thuộc Đồng Tháp Mười (7)

Tỉnh	Diện tích tự nhiên (ha)	Diện tích trồng lúa (ha)	Sản lượng (tấn)
Mỹ Tho	223.600	139.000	190.000
Sa Đéc	145.850	97.800	109.000
Tân An	380.000	115.000	121.000
Long Xuyên	252.800	121.000	181.600
Châu Đốc	272.000	109.000	133.500

- Châu Đốc, còn 163.000 ha.

Tính trung bình, diện tích trồng lúa chiếm tỉ lệ nhỏ so với diện tích tự nhiên của vùng trên dưới khoảng 1/2 diện tích tự nhiên.

Tình trạng này, do nhiều nguyên nhân nhưng cơ bản vẫn là do sự thất bại trong chiến lược thủy lợi của người Pháp tại vùng này. “Về mặt thủy lợi từ những năm 1910, cho thấy việc đào kênh chẳng những không bớt phèn mà còn làm cho phèn tiềm tàng dậy lên và lan ra các vùng chung quanh. Có nơi chủ điền chỉ canh tác được một vài vụ lúa rồi phải bỏ hoang vì lỗ vốn. Tốc độ khẩn hoang do vậy mà chậm lại” (8).

Theo “Carte routière de la Cochinchine” (Bản đồ đường bộ Nam Kỳ) do Service Géographique de l’Indochine ấn hành

Ở tỉnh Sa Đéc, số điền chủ có ruộng lúa (ở hai tổng thuộc Đồng Tháp Mười): Phong Thạnh: 15.800ha ruộng lúa với 1.837 điền chủ và Phong Năm: 20.200ha, 2.753 chủ, tổng số 4.590 điền chủ lớn nhỏ (số liệu năm 1930).

Bảng 2 cho thấy diện tích đất trồng lúa của điền chủ tỉnh Sa Đéc chỉ tập trung ở các làng ven sông Tiền như: Phong Mỹ, Nhị Mỹ, Mỹ Tho, Mỹ Ngãi, Bình Hành Tây..., chưa tiến sâu nhiều vào vùng trung tâm.

Ngoài điền chủ Việt còn có những điền chủ người Âu: Thiémoge và Aubertin có 5.660ha ở Tân Lập, Emmanuel Paure có 2.620ha ở Bình Châu, Jeanmerat có 6.659ha ở Bình Hiệp và Bình Doãn...

Bảng 2: Phân bố ruộng lúa của một số điền chủ tiêu biểu ở Sa Đéc (9)

Điền chủ	Diện tích	Làng/Tổng
Lê Văn Tố	316ha.05a.00c	Phong Mỹ (Phong Thạnh)
Nguyễn Văn Phụng	695.42.50	Nhị Mỹ (Phong Thạnh)
Nguyễn Văn Hương	500.00.00	Mỹ Thọ (Phong Năm)
Đặng Thị Hội	198.00.00	Phong Mỹ (Phong Thạnh)
Trần Thị Kiệt	80.00.00	Mỹ Thọ (Phong Năm)
Lê Đạo Ngân	790.05.00	Mỹ Thọ (Phong Năm) và Mỹ Lợi (Phong Phú - Mỹ Tho)
Nguyễn Thanh Tô	145.00.00	Mỹ Thọ (Phong Năm)
Hà Văn Nhuận	260.00.00	như trên
Nguyễn Văn Trần	83.00.00	Nhị Mỹ (Phong Thạnh)
Nguyễn Hàm Ninh	220.00.00	như trên
Nguyễn Thị Phong	30.00.00	Mỹ Thọ (Phong Năm)
Phan Văn Đước	177.00.00	Nhị Mỹ (Phong Thạnh)
	100.00.00	Phong Mỹ (Phong Thạnh)
Lê Quang Hiến	234.32.83	Nhị Mỹ (Phong Thạnh)
	353.78.00	Mỹ Ngãi (Phong Thạnh)
Lê Văn Lý	85.20.00	như trên
Lê Thị Dậu	834.74.00	Phong Mỹ (Phong Thạnh)
Nguyễn Xuân Vinh	518.00.00	Mỹ Thọ (Phong Năm)
	175.85.50	Nhị Mỹ (Phong Thạnh)
Nguyễn Quang Thời	80.00.00	Mỹ Thọ (Phong Năm)
Nguyễn Thị Thi	180.00.00	như trên
Nguyễn Trinh Tường	500.00.00	Mỹ Thạnh (chưa rõ Mỹ Thành hay Mỹ Thạnh)
Nguyễn Văn Kính	130.00.00	như trên
Nguyễn Thị Trân	180.00.00	Mỹ Thọ (Phong Năm)
Lê Văn Thăng	60.00.00	như trên
Lê Văn Phước	20.00.00	như trên
Trần Văn Cai	20.00.00	như trên
Nguyễn Xuân Trước	135.00.00	như trên
	142.50.00	Nhị Mỹ (Phong Thạnh)
Phan Văn Cừ	279.23.50	Nhị Mỹ (Phong Thạnh) và Mỹ Thọ (Phong Năm)
Nguyễn Văn Hạnh	23.63.00	Mỹ Thạnh (chưa rõ Mỹ Thành hay Mỹ Thạnh)
Lê Văn Mậu	890.00.00	Bình Hàng Tây (Phong Năm)

Chỉ tính riêng khu vực ở Tân An vào đầu thập niên của thế kỷ XX, tổng số 180 điền chủ (sở hữu từ 50-6000ha), có 88 điền chủ là người Pháp, chiếm 90.947ha; trong khi đó điền chủ Việt là 92, chỉ chiếm 40.769ha. Dần về sau, số điền chủ người Pháp ngày một giảm. Phần lớn họ chuyển nhượng lại cho điền chủ người Việt hoặc bỏ diện tích đã đăng ký trưng khẩn để chuyển về miền Đông hay vùng cao nguyên để kinh doanh cây công nghiệp...

Quận trưởng Mộc Hóa, Trần Hưng Ký, từng thốt lên: “Sau khi chôn vùi hàng triệu bạc Đông Dương (piastre) tại Mộc Hóa, lần lượt người này tiếp theo người khác đều rời bỏ vùng đất muôn thuở đáng nguyên rủa này” (10).

Chính vì vậy, sau nhiều năm nghiên cứu, người Pháp kết luận, muốn khai thác được Đồng Tháp Mười phải bỏ vốn đầu tư rất lớn, đặc biệt là về thủy lợi và cần phải có thời gian. Và tình trạng “chỉ dừng lại khai thác ở vùng ven” kéo dài cho đến những giai đoạn sau.

3. Các loại ruộng

Ở giai đoạn đầu, khi người Pháp mới đến, ruộng trồng lúa được chia làm 2 hạng, có ruộng loại 1 (*rizière de 1^{re} classe*), tương ứng với “thảo điền” và ruộng loại 2 (*rizière de 2^e classe*) tương ứng với “sơn điền”.

- Đắp đê (*exhaussement de la terre des bordures des semis de riz*);
- Bừa đất bằng trâu (*hersage par buffles*);
- Trật đất (*rouleau compresseur trainé par buffles*);
- Sạ giống (*semage de la semence*);

Bảng 3: Diện tích các loại ruộng năm 1878 (11)

đơn vị tính: ha

Địa hạt (<i>arrondissement</i>)	Tân An	Mỹ Tho	Sa Đéc	Long Xuyên	Châu Đốc	Chợ Lớn	Vinh Long
Ruộng hạng 1 ^{re}	23.022	32.083	-	34	-	30.780	688
Ruộng hạng 2 ^e	2.626	17.977	19.216	12.864	1.263	6.911	24.331

Những năm tiếp theo, do việc mở rộng khai hoang phát triển, ngoài ruộng loại 1 và 2, xuất hiện ruộng loại 3 (*rizière de 3^e classe*). Ruộng loại 3 có lẽ là loại mới được khai hoang bị nhiễm phèn hoặc ngập úng quanh năm, điều kiện canh tác lúa rất khó khăn và cho năng suất thấp.

Ruộng loại 3 chủ yếu tập trung ở Mỹ Tho và Tân An, vì nơi đây khả năng mở rộng diện tích khai hoang còn lớn.

Theo khảo sát của G. Potteaux, phân ruộng của Đốc phủ sứ Trần Bá Lộc, ở Mỹ Tho (13), cách thức canh tác ruộng loại 1 từ khâu chuẩn bị giống đến thu hoạch và phơi khô có 43 công đoạn; ruộng loại 2 có 37 công đoạn.

Tóm tắt những bước cơ bản gồm:

- Chọn giống (*paddy de semence*);
- Phất cỏ hoang (*râtelage de l'herbe*);
- Cày đất bằng trâu (*labourage par buffles*);

- Giữ nước trong ruộng sạ và dùng trâu trật qua một lượt để giống gắm vào đất (*labourage par buffles du champ destiné à recevoir les plants*);

Đối với ruộng cấy, còn thêm khâu chuẩn bị mạ và cấy mạ...

Xong công đoạn gieo sạ sang công đoạn thu hoạch:

- Vận chuyển lúa bông về sân cho trâu đập (trung bình khoảng 800 bó lúa/ha);
- Vận chuyển rơm sau khi đập lúa (*enlèvement de la paille après le battage*);
- Phơi lúa và cuối cùng là vận chuyển lúa hạt về kho.

Chi phí cơ bản điền chủ phải bỏ ra cho 1ha (một hecta) đất ruộng/một mùa vụ, từ việc chọn giống đến thu hoạch, cũng có sự khác nhau cho mỗi loại ruộng:

- *Ruộng loại 1*: tổng số ngày công toàn vụ là 142 ngày/ha (*chi phí là 229 ligatures.84 (tiền ngày công + tiền ăn)*) và 8

Bảng 4: Diện tích các loại ruộng (12)

Loại ruộng	Tân An	Mỹ Tho	Sa Đéc	Long Xuyên	Châu Đốc
Loại 1	30.571,07	58.805	43.547,92	22.343,74	45,90
Loại 2	6.688,79	19.407,03	-	1.698,85	8.811,71
Loại 3	1.789,56	3.245,36	-	-	-

lig.80 tiền thuế. (lig viết tắt của ligature), 1 lig = 10 tiền (600 đồng) tiền kềm An Nam).

Một ha thu hoạch được 128 giạ, giá bán 1 giạ/2 lig.28, tổng 291 lig.84; trừ hết chi phí điền chủ thu lợi 53 lig.20/ ha.

- *Ruộng loại 2*: 139 ngày công (*tổng chi phí là 218 lig.84 (tiền ngày công + tiền ăn)*) và 4 lig.40 tiền thuế.

Một ha thu hoạch 120 giạ, tổng số tiền thu được 273 lig.60, trừ hết chi phí điền chủ thu lợi 50 lig.36/ ha.

Trong hai loại ruộng, có một số công đoạn có cùng ngày công và đây cũng là số ngày công nhiều nhất của các công đoạn: *cấy lúa* (16 ngày), *thu hoạch* (16 ngày), *vận chuyển rơm* (12 ngày). Nhưng cũng có công đoạn có số ngày công trái ngược nhau, công đoạn trâu cày làm đất: *ruộng loại 1* (3 ngày) và *ruộng loại 2* (14 ngày).

Giá cho thuê ruộng loại 1 và loại 2:

Ruộng loại 1 được phân thành 3 hạng, giá cho thuê theo năm:

- Hạng 1, cho thuê 32 giạ/ha;
- Hạng 2, cho thuê 24 giạ/ha;
- Hạng 3, cho thuê 16 giạ/ha.

Ruộng loại 2, cũng được chia làm 3 hạng:

- Hạng 1, cho thuê 24 giạ/ha;
- Hạng 2, cho thuê 16 giạ/ha;
- Hạng 3, cho thuê 8 giạ/ha.

Đối với ruộng loại 1, tính trung bình, trừ tiền thuê ruộng 24 giạ (54 lig.72), tiền thuế 8 lig.80 thì người thuê ruộng còn lại 45 lig.92; *đối với ruộng loại 2*, trừ tiền thuê 16 giạ (36 lig.48), tiền thuế 4 lig.40 thì người thuê ruộng còn lại 32 lig.08. Cách tính này có trừ đi một số khâu sản xuất do người thuê ruộng tự bỏ công, còn nếu tính đủ thì kết quả sẽ khác:

Cách tính đủ được biểu diễn bằng công thức: *Tổng thu hoạch trên ha x số tiền / giạ - chi phí sản xuất - tiền thuế - tiền thuê.*

Ruộng loại 1: $128 \text{ giạ} \times 2 \text{ lig.28} = 291 \text{ lig.84}$
 $291 \text{ lig.84} - 229 \text{ lig.84} = 62 \text{ lig}$
 $62 \text{ lig} - 8 \text{ lig.80} = 53 \text{ lig.20}$
 $53 \text{ lig.20} - 54 \text{ lig.72} = 1 \text{ lig.52}$

Ruộng loại 2: $120 \text{ giạ} \times 2 \text{ lig.28} = 273 \text{ lig.60}$
 $273 \text{ lig.60} - 218 \text{ lig.84} = 54 \text{ lig.76}$
 $54 \text{ lig.76} - 4 \text{ lig.40} = 50 \text{ lig.36}$
 $50 \text{ lig.36} - 36 \text{ lig.48} = 13 \text{ lig.88}$ (khoảng 6 giạ lúa).

Như vậy, thuê ruộng loại 2, do giá thuê rẻ hơn nên người thuê còn dư vài giạ lúa để ăn, còn thuê ruộng loại 1 xem như “làm mọi không công”.

Người nông dân khi thuê ruộng (*cultivateurs de rizières*), thường không có vốn sản xuất phải vay nợ. Tiền vay nợ để làm vốn sản xuất cộng với tiền thuê ruộng, phải trả sau mỗi vụ thường người thuê không trả hết nợ, phải còn mang nợ cho đến mùa sau.

Diện tích đất chưa khai hoang nơi đây còn nhiều nên người nông dân bỏ công khai hoang để tự làm chủ chứ không thuê ruộng với giá cao. Vì vậy số dân có đất canh tác ở đây luôn chiếm tỉ lệ cao hơn số dân không có ruộng đất canh tác.

4. Vấn đề cây “lúa nổi” (*riz flottants*)

Tên gọi và thời gian du nhập

“Lúa nổi”, người Pháp gọi là “riz flottant” người Anh gọi “floating rice” dịch theo nghĩa từ vựng “lúa nổi” hay “lúa chạy nước”, nghĩa là khi nước dâng cao đến đâu thì cây lúa cũng mọc lên cao đến đó. Trong *Nông cổ minh đàm*, số 26 (20-2-1902) gọi là “lúa sông lớn”. Trong “Danh mục các sản phẩm của Nam Kỳ được trưng bày tại Hội chợ Hà nội năm 1924”, mục tỉnh Châu Đốc gọi “riz flottants” là “lúa sạ”.

Tên gọi “lúa sạ”, do loại lúa này không gieo mạ cấy mà “sạ vãi” trực tiếp trên đất ruộng; nhưng kỹ thuật sạ của loại lúa này có phần khác với lúa Thần Nông. Lúa Thần Nông, sạ trên đất ướt sau khi ủ giống nảy mầm; lúa nổi sạ không qua ủ, sạ trên đất khô và sau khi sạ tiến hành bừa cho hạt lúa vùi vào đất.

Xét về phương diện kỹ thuật, “sạ” giai đoạn lúa Thân Nông tiến bộ hơn “sạ” giai đoạn lúa nổi; ít rủi ro hơn do theo dõi được cây lúa suốt trong quá trình sinh trưởng, phát triển.

Giống lúa nổi có lẽ xuất hiện từ khá sớm, nhưng đến năm 1891, một linh mục cai quản họ đạo Năng Gù mới đem lúa nổi về trồng thử nghiệm. Sau đó, khoảng năm 1901, ông Phan Văn Vàng quê ở làng Đa Phước, tổng Châu Phú, tỉnh Châu Đốc đã đem giống lúa nổi từ vùng tỉnh Kratié (การี), một tỉnh nằm trong lưu vực sông Mê Công (xứ Cam Bốt) về lần đầu trồng tại làng Đa Phước.

Khi mới thu hoạch lần đầu, có nhiều người thấy trồng dễ nên làm theo. Từ làng Đa Phước mở rộng ra làng Phước Hưng, Châu Phú và làng Hà Bao... sau đó, mở rộng sang Đồng Tháp Mười.

Báo Nông cổ mìn đàm ngày 30 tháng 7 năm 1907, trong bài tựa là “Canh hoang biến pháp”, nho sĩ Đặng Thúc Liêng có ghi: Giống “Lúa sạ tên Tàu lự” trước tiên ở núi Tượng. Trước đó, năm 1906, chủ tỉnh Sa Đéc (có lẽ là chủ tỉnh Caillard) mua giống đem qua Đồng Tháp Mười (15).

Các giống lúa nổi

Lúa nổi có hơn 10 loại giống, trong đó có khoảng 6 loại được lựa chọn trồng:

- *Nàng rừng*, thích hợp nhiều loại đất, bông sai hạt. Dẻ lúa dài từ 2,8 tấc tới 3 tấc, hạt lớn và dài;

- *Sông lớn*, giống này được biết đến đầu tiên, phổ biến. Dẻ lúa dài từ 1,7 tấc tới 2,3 tấc, ít hạt;

- *Nàng đùm*, hạt nhỏ dài, bông lúa ngắn khoảng 2 tấc, cho hạt khá;

- *Lúa sậy*, có tên gọi khác “năm lượng”;

- *Nam Vàng* (ba sào), bông lúa dài từ 2,8 tấc tới 3,2 tấc, hạt dài;

- *Tá họa*, ưa đất nông, lúa nhanh chín, hạt lúa lớn, độ dài hạt trung bình có đuôi.

Bốn loại giống còn lại:

- *Đuôi trâu*, bông lúa dài hạt;

- *Phụng tiên*, hạt không sai;

- *Nàng tây*, dần ít phổ biến, do chín muộn;

- *Và nàng phước*, dần ít phổ biến, do hạt lúa xấu.

Trong các giống lúa trên thì “nàng rừng” được dùng nhiều: “Lúa nổi”, giống “lúa nàng rừng” là loại phổ biến nhất, được trồng hàng năm trên tất cả những cánh đồng của tỉnh Châu Đốc, vùng sông Không giang (Mê Công). Nó được sạ vào đầu mùa mưa, cây lúa được cao lên dần theo nước nổi và có thể cao tới 4 mét...” (16).

Cách thức canh tác lúa nổi

Có 2 cách gieo trồng chủ yếu: “nọc cấy, gieo hạt” và “sạ vãi”.

- Dùng “nọc cấy, gieo hạt”, “đến khi có mưa đầu, chừng tháng ba là muộn, phải đợi cho đất thấm nước cho khá, thì dùng nọc xằng lỗ cách nhau chừng năm tấc, mỗi lỗ sâu chừng năm tấc, mỗi lỗ sâu chừng ba bốn phần trăm, bỏ từ 12 cho tới 15 hột giống cũng lấp sơ một lớp đất” (17).

- Sạ vãi, tháng giêng, tháng hai hoặc tháng 3 khi cắt lúa mùa xong đốt gốc rạ và cỏ cho sạch đồng, chờ khi có mưa cày đất. Cày xong thì sạ lúa, rồi bừa sơ cho hạt lúa vùi xuống đất để tránh chim ăn và nước khỏi làm trôi hạt lúa.

Lúa giống sạ khỏi ngâm nước, một mẫu sạ chừng 3 đến 5 gạ, trung bình là 4 gạ. Nhưng thông thường sạ 3 gạ là đủ, khi lúa nảy mầm phát triển nếu có hao hụt, sạ dặm thêm.

Đối với lúa gieo mạ cấy, chỉ cần 1 gạ là có thể gieo đủ cho một mẫu; lúa sạ nhiều hơn lúa gieo mạ cấy 2-3 gạ/mẫu, nhưng lợi công cấy.

Một mẫu ruộng, mất khoảng 16 ngày công cấy, chi phí khoảng trên 20 ligature (lig). Một gĩa lúa giá khoảng 2 lig.28; lấy 20 lig chia 2 lig.28 bằng khoảng 8 gĩa lúa (công cấy).

Sạ lúa rồi chẳng cần phải chăm sóc, để phát triển tự nhiên. Nhưng phải dọn cỏ, rau muống hoặc bèo Nhật Bản (lục bình) chiếm diện tích lúa.

Lúa sạ nhờ sức nước lớn mà sinh trưởng theo, nước lên bao nhiêu lúa cao bấy nhiêu. Khi nước rút lúa ngã nằm dài trên đất ruộng, mỗi mắc bám rễ xuống đất sinh ra tước mới, một cây lúa có chừng 5-6 tước.

Lúa trồng trong khoảng 3 tháng, đến tháng 10 trở bông, tháng 11 chín đều, tháng 12 thu hoạch; mỗi mẫu thu hoạch được 70- 100 gĩa.

Diện tích lúa nổi

Hiện có vài ý kiến khác nhau khi nhận định về lúa nổi:

Chủ bút tờ “Nông cổ mìn đàm” Canavaggio cũng từng khuyến khích việc mở rộng diện tích giống lúa này: Con nhà làm ruộng trong các tỉnh khác, ta tưởng nên dùng thử lúa ấy làm mùa thử mà coi, có khi cũng lợi, vì lúa ấy nặng cân, chắc là bán đặng giá hơn (18).

Trong “Tân châu xưa” mô tả hoàn cảnh trước khi có lúa nổi xuất hiện, mùa màng thất bát nặng nề đến nỗi dân phải chuyển sang làm ruộng giàn. “Trước kia, nông dân ở đây rất nghèo, nay nhờ canh tác được lúa sạ nên thâu huê lợi rất nhiều...” (19).

Địa chí Đồng Tháp Mười trang 250, cho rằng: “Với những đặc điểm sinh học của nó, lúa nổi mau chóng hình thành một hệ thống canh tác hoàn toàn mới ở Đồng Tháp Mười, hay nói như các nhà chuyên môn, đây là một tiến bộ về giống nhưng tạo ra một cuộc cách mạng về hệ thống sản xuất” (20).

Khác với những ý kiến trên “Danh mục các sản phẩm của Nam Kỳ được trưng bày tại Hội chợ Hà nội năm 1924” viết: “... Khi con nước lên nhanh lúa sẽ bị ngập và chết. Thu hoạch lúa bấp bênh...” (21).

Trong “Tìm hiểu đất Hậu Giang...”, Sơn Nam cũng có nhận định tương tự: “... nông dân nếu chỉ trông cậy vào lúa sạ thì chẳng tài nào nuôi sống cả gia đình. Cày bừa gieo hạt không phải tốn công sức để cấy, tới mùa thu hoạch; xem như đơn giản, nhàn rỗi nhưng năng suất đã kém lại không ổn định”. Chính vì vậy, lúa nổi đã được “đồng bào” ta biết từ sớm nhưng chẳng “du nhập” vì kém năng suất, gạo không ngon cơm (22).

Những ý kiến khác nhau trên có thể chia làm 2 nhóm: nhóm “khen” và “chưa khen”. Nhóm “khen” dựa vào yếu tố nổi bật “vượt nước” và “sạ vãi” của lúa nổi; nhóm “chưa khen” dựa vào năng suất thu hoạch thực tế.

Về lý thuyết, việc phát hiện và du nhập giống lúa nổi như là một cuộc cách mạng nông nghiệp với khả năng vượt theo nước, nó hoàn toàn vượt trội so với các giống lúa bản xứ có trước đó. Nhưng thực tế, cây lúa sẽ chết khi nước lên quá nhanh và năng suất kém khi nước nhỏ. Vì vậy không ổn định được năng suất, phụ thuộc nhiều vào sự “rủi, may”.

Diện tích canh tác lúa nổi ở Đồng Tháp Mười tuy có tăng theo thời gian, nhưng cơ bản diện tích lúa nổi vẫn chiếm tỉ lệ nhỏ so với các lúa khác. Bảng 5 thống kê những tổng trồng lúa nổi và giá đất ruộng đã cho biết rõ điều này (xem bảng 5).

Theo bảng 5, có 6 trên 14 tổng của Đồng Tháp Mười trồng lúa nổi; trải dài ven sông Tiền: An Phước, Phong Thạnh Thượng, Phong Năm, Phong Thạnh, Phong Phú và Phong Hòa. Các tổng còn lại chủ yếu trồng

Bảng 5: Những tổng trồng lúa nổi và giá đất ruộng (23)

Đơn vị piastre/ha	Ruộng cấy 2 vụ (<i>Rizièrre de saison à 2 repiquage</i>)	Ruộng cấy 1 vụ (<i>Rizièrre de saison à 1 repiquage</i>)	Ruộng lúa nổi (<i>Rizièrre à riz flottant</i>)
Cửu Cư Thượng	700	350	-
Hưng Long	600	450	-
Mộc Hóa	-	70	-
An Ninh Thượng	600	400	-
Phong Phú	510	410	50
Phong Hòa	420	390	50
Lợi Thuận	400	350	-
Lợi Trinh	380	325	-
Hưng Nhơn	-	340	-
Phong Năm	520	470	220
Phong Thạnh	450	440	270
An Tĩnh	530	490	-
Phong Thạnh Thượng	-	-	90
An Phước	-	135	75

lúa cấy, những tổng có đất trồng lúa cấy giá cao hơn nhiều lần đất trồng lúa nổi.

Thông thường giá đất ruộng được tính dựa trên sản lượng thu hoạch thực tế. Những nơi đất tốt cho năng suất cao, ổn định giá đất sẽ cao và ngược lại. Từ cơ sở này có thể kết luận đất trồng lúa nổi thường cho năng suất thấp và không ổn định nên giá thành khá rẻ. Vì vậy, lúa cấy vẫn còn được duy trì và trồng khá phổ biến ở vùng Đồng Tháp Mười, chưa có dấu hiệu bị thay thế.

Theo lược đồ “Détail des rizières du sud indochine” (Phân vùng lúa gạo ở Nam Đông Dương) (24) thể hiện ở Đồng Tháp Mười có 4 vùng canh tác lúa:

- Vùng trồng lúa mùa mưa 1 vụ (*riz de saison de pluie repiqués une fois ou semés directement*), gồm các tổng: Lợi Thạnh, Hưng Nhơn, Hưng Nhượng, Thạnh Quơn, Cửu Cư Hạ, An Ninh Hạ, Thạnh Hội Thượng, Thạnh Hội Hạ, Thạnh Mục Thượng, Thạnh Mục Hạ.

- Vùng trồng lúa mùa mưa 2 vụ (*riz de saison de pluie repiqués deux fois*), gồm khu vực nằm ven sông Tiền thuộc các tổng: Phong Thạnh, Phong Năm, Phong Phú,

Phong Hòa, Lợi Thuận, Lợi Mỹ, Lợi Trường, Thuận Trị, Thạnh Phong.

- Vùng lúa mùa khô (*riz de saison sèche*), gồm toàn bộ phần còn lại của Đồng Tháp Mười các tổng: Mộc Hóa, Cửu Cư Thượng,.. và một phần các tổng Phong Thạnh Thượng, Phong Năm, Phong Thạnh.

- Vùng lúa nổi (*riz flottants*): An Phước, Phong Thạnh Thượng và vùng phía bắc của Mộc Hóa khu vực liền kề với tổng An Phước, giáp ranh Cam Bốt. Với diện tích ở Phong Thạnh Thượng khoảng 25.000ha và An Phước 17.000ha.

Như vậy, từ thông tin của lược đồ trên cho thấy diện tích lúa nổi chỉ đứng hàng thứ 3 ở Đồng Tháp Mười so với diện tích các loại lúa khác.

5. Diện tích ruộng lúa so với diện tích các loại cây trồng khác

Ngoài trồng lúa, ở Đồng Tháp Mười còn có lối canh tác mới được người Pháp gọi là “exploitations agricoles” và “plantation”. Xét về qui mô và tính chất, ở đây chúng tôi tạm dịch: “exploitations agricoles” và “plantation” là “vườn”, “tràng trại nông nghiệp” hay “nông trường”.

Theo tài liệu của Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia II, tại TP. Hồ Chí Minh, trong những năm 1943 - 1944, Toàn quyền Đông Dương đã ra nhiều Nghị định thành lập kho trữ lúa ở Nam Kỳ. Đặc biệt là thông tư số 700-B ngày 24 tháng 11 năm 1943 của Thống đốc Nam Kỳ liên quan đến việc phân bổ quỹ của Ủy ban Ngũ cốc giữa các tỉnh để xây dựng kho thóc tại Nam Kỳ (29).

Các tỉnh có lập kho dự trữ: Long Xuyên, Cần Thơ, Rạch Giá, Gò Công, Mỹ Tho, Trà Vinh, Sóc Trăng, Tân An và Châu Đốc.

Ở Đồng Tháp Mười, thành lập được các kho:

- Kho ở Mỹ Tho:

Thực hiện theo hướng dẫn của công văn số 700-B ngày 24 tháng năm 1943 của Thống Đốc Nam Kỳ, tỉnh Mỹ Tho đã dự kiến xây dựng 12 nhà kho chia ra làm 3 nhóm với 4 nhà kho kiên cố.

Tất cả các kho sẽ là kho loại 2 với sức chứa 500 tấn và sẽ được bổ sung 1 sân phơi có diện tích gấp đôi của nhà kho.

- Kho ở Tân An:

Theo công văn số 2520-C/B ngày 8.12.43 về xây dựng kho thóc, chính quyền thực dân Pháp đã dự trù chi phí cần thiết cho việc xây dựng kho thóc tại trung tâm Tân An và Thủ Thừa như sau:

Ở Tân An: Kho thóc số 1, trữ lượng 2.132 tấn; Kho thóc số 2, trữ lượng 845 tấn; Kho thóc số 3 có trữ lượng là 2.019 tấn.

Ở Trung tâm Thủ Thừa: xây dựng 1 kho thóc với sức chứa 5000 tấn.

Tổng số kho thóc mà Tân An xây dựng năm 1943 là 4 với sức chứa 64 kho, khoảng 9.996 tấn.

So sánh với các tỉnh khác ở Nam kỳ, nhiều nhất là Cần Thơ: 61 kho, thứ hai Rạch Giá: 43 kho, thứ 3 Long Xuyên: 40 kho... Mỹ Tho đứng hàng thứ 7 và Tân An đứng hàng cuối trong tổng số 9 tỉnh có thành lập kho dự trữ lúa gạo. Số lượng, sức chứa các kho ở Đồng Tháp Mười, không lớn như ở các nơi khác, điều này phần nào phản ánh được sản lượng lúa gạo sản xuất nơi đây.

*

Do công tác thủy lợi chưa thật sự được triển khai hiệu quả nên diện tích thực canh cây lúa ở Đồng Tháp Mười thời thuộc Pháp chỉ giới hạn ở vùng ven. Và do điều kiện thổ nhưỡng nên khi phát triển về sở hữu ruộng đất lớn, người Pháp không thể áp dụng phương thức canh tác mới trong hoạt động trồng lúa mà vẫn duy trì lối sản xuất cũ "phát canh thu tô". Một thời gian "vật lộn" người Pháp đành bỏ đi và nhượng lại cho điền chủ Việt.

Cũng trong khoảng thời gian này, tuy xuất hiện lối canh tác mới "exploitations agricoles", "plantation" nhưng số lượng còn nhỏ lẻ, chưa ổn định nên không làm thay đổi căn bản tính chất của nền kinh tế nông nghiệp Đồng Tháp Mười, diện tích cây lúa vẫn ở thế độc canh.

Và trong quá trình phát triển xảy ra vấn đề khủng hoảng lúa gạo, ngoài nguyên nhân trực tiếp là do mất mùa, nguyên nhân sâu xa là do kỹ thuật canh tác vẫn còn hạn chế, lúa có năng suất thấp... Nên những năm được mùa vẫn không có dự trữ nhiều, vì vậy khi có biến cố thì khó điều tiết được ở tầm vĩ mô.

CHÚ THÍCH

(1). Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn-Định Tường*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1994.

(2). Nguyên văn: Pour que la Plaine des Joncs puisse être mise en valeur, il est évident qu'il faut l'assécher, et, pour cela, éviter les inconvénients de l'inondation périodique, ou mieux, supprimer celle-ci.

Victor Delahaye, *La plaine des Joncs*, Imprimerie de l'ouest-éclair, Rennes, 1928, tr.219.

(3). Nguyên văn: 1. La construction de canaux, à grande et moyenne section, avec sens d'écoulement vers le Sud, dans le Fleuve Antérieur;

2. La construction de levées de terre, ou digues, enserrant ces canaux;

3. Enfin, le dragage de tous les canaux existants, leur approfondissement partiel en certains points, et leur entretien constant, afin d'éviter leur ensablement.

Victor Delahaye, *La plaine des Joncs*, Imprimerie de l'ouest-éclair, Rennes, 1928, tr. 220.

(4). Trần Bạch Đằng (chủ biên), *Địa chí Đông Tháp Mười*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1996.

(5). Publications de la société des études Indo-Chinoises, Monographie de la province de My-tho, Imprimerie L. Ménard, Saigon, 1902.

(6), (20). Trần Bạch Đằng (chủ biên), *Địa chí Đông Tháp Mười*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1996, tr. 166-167, 250.

(7). Exposition Coloniale Internationale, Riziculture en Indochine, Imprimerie d'Extrême - Orient, Hanoi, 1931, tr. 19.

(8). Ngô Văn Bé, *Lịch sử phát triển vùng Đông Tháp Mười (1945-1955)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Viện Khoa học Xã hội Vùng Nam bộ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 41.

(9). Visite d'une délégation de la Chambre d'agriculture de la Cochinchine au Syndicat agricole de Sadec, *Le Paysan de Cochinchine*, p. 2, 11-10-1934.

(10). Thạch Phương - Lưu Quang Tuyến (chủ biên), *Địa chí Long An*, Nxb. Long An & Khoa học Xã hội, 1989, tr. 323.

(11). Cochinchine française, *Annuaire de la Cochinchine française (en 1878)*, Imprimerie du Gouvernement, Saigon, 1878, tr. 179, 181, 190, 192, 195.

(12). République Française, *Annuaire de la Cochinchine française (en 1887)*, Imprimerie Coloniale, Saigon, 1887, tr. 490-491.

(13), (25). Cochinchine française, *Excursions et reconnaissances, N04 (en 1880)*, Imprimerie du Gouvernement, Saigon, 1880, tr. 437-441, 16-17.

(14). Victor Delahaye, *La plaine des Joncs*, Imprimerie de l'ouest-éclair, Rennes, 1928, tr. 161.

(15). Sơn Nam, *Tìm hiểu đất Hậu Giang*, Nxb. Trẻ, 2019, tr. 251.

(16). Nguyễn Văn: "Le riz flottants, dont le "lúa nàng rừng" est la variété la plus répandue est

cultivé dans toutes les plaines de la province de Chaudôc recouvertes, chaque année, par la crue du Mékong. Il est semé lors des premières pluies et sa tige ne cesse de s'élever au fur et à mesure de la montée des eaux. Il peut atteindre ainsi plus de 4 mètres de hauteur..."

Nomenclature des produits de la Cochinchine, présentés à la foire de Hanoi de 1924, Décembre MCMXXIV, Hanoi, 1924, tr. 147.

(17), (18). Giấy nói về sự làm lúa nước nổi, *Nông cổ mín đàm*, 20-2-1902, tr. 7.

(19). Nguyễn Văn Kiểm và Huỳnh Minh, *Tân Châu xưa*, Nxb. Thanh niên, 2003, tr. 54.

(21). Nguyễn Văn: "...Lorsque l'inondation est trop rapide, le riz est submergé et meurt. La récolte est donc aléatoire;..."

Nomenclature des produits de la Cochinchine, présentés à la foire de Hanoi de 1924, Décembre MCMXXIV, Hanoi, 1924, tr. 147.

(22). Sơn Nam, *Tìm hiểu đất Hậu Giang*, Nxb. Trẻ, 2019, tr. 251.

(23). Yves Henry, *économie agricole de l'Indochine*, Publication du Gouvernement général de l'Indochine, Hà Nội, 1932.

(24). Exposition Coloniale Internationale, Riziculture en Indochine, Imprimerie d'Extrême - Orient, Hanoi, 1931, tr. 49.

(26). Mê-dai (médaille), được chia làm các bậc sau:

- Mê-dai vàng (Médaille d'or);
- Mê-dai bạc 10 (Médaille d'argent 10 classe);
- Mê-dai bạc 20 (Médaille d'argent 20 classe);
- Mê-dai bạc 30 (Médaille d'argent 30 classe);
- Mê-dai đồng (Médaille bronze).

(27). Nomenclature des produits de la Cochinchine, présentés à la foire de Hanoi de 1924, Décembre MCMXXIV, Hanoi, 1924.

(28). *Annuaire complet (européen et indigène) de toute l'Indochine 1re 1933-1934*, Imprimerie Albert Portail, Saigon, 1933, tr. 826.

(29). Phạm Thị Huệ, Chính sách "kinh tế chỉ huy" ở Nam Kỳ thời Pháp -Nhật (1939-1945), *Luận văn Thạc sĩ Lịch sử*, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2013, tr. 58-59.